

Số: 13/TB-SNNMT

Cà Mau, ngày 17 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
Hướng dẫn lịch thời vụ xuống giống và cơ cấu giống lúa
cho vụ Thu Đông năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Bản tin số KT1T-07/16h00/CMAU ngày 01/7/2025 của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Cà Mau về việc dự báo khí hậu thời hạn tháng khu vực tỉnh Cà Mau (tháng 7/2025);

Căn cứ các bản tin số KTHM-03BS/17h00/CMAU và TVHM-03BS/17h00/CMAU ngày 16/7/2025 của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Cà Mau về việc dự báo, cảnh báo khí hậu và thủy văn thời hạn mùa tỉnh Cà Mau từ tháng 8/2025 đến tháng 01/2026;

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo hướng dẫn lịch thời vụ xuống giống và cơ cấu giống lúa cho vụ Thu Đông 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

I. NHẬN ĐỊNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

1. Xu hướng khí tượng và thủy văn từ tháng 07/2025 dl đến tháng 10/2025 dl:

1.1. Khí tượng:

- **Hiện tượng ENSO:** Hiện tượng ENSO tiếp tục duy trì trạng thái trung tính.
- **Tháng 7/2025:** Bão/ATNĐ có khả năng xuất hiện trên Biển Đông và sẽ có những đợt gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh gây mưa lớn diện rộng cho khu vực tỉnh. Tổng lượng mưa trong tháng ở mức xấp xỉ đến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN), trong đó mưa tập trung nhiều vào thời kỳ đầu và cuối tháng; nhiệt độ trung bình ở mức 27,2⁰C - 28,2⁰C cao hơn TBNN từ 0,3⁰C - 0,5⁰C.

- Tháng 8-10/2025:

+ Xu thế mưa: Tổng lượng mưa các tháng phổ biến xấp xỉ hoặc cao hơn so với TBNN từ 5-15%. Trong tháng 8 và tháng 9/2025 khả năng có 01-02 đợt giảm mưa (hạn bà chẵn).

+ Bão/ATNĐ: Có khả năng xuất hiện khoảng 6-8 cơn bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông, ảnh hưởng đến đất liền nước ta từ 3-5 cơn.

+ Xu thế nhiệt độ: Nhiệt độ không khí trung bình ở mức cao hơn TBNN từ 0,5-1,0⁰C. Nhiệt độ cao nhất từ 32-34⁰C, thấp nhất từ 22-24⁰C.

1.2. Thủy văn và nguồn nước: Mực nước trên các sông, rạch trong tỉnh chịu ảnh hưởng bởi triều biển Đông và biển Tây. Từ tháng 8-10/2025 mực nước trên các sông, rạch lên cao dần theo xu thế triều hàng năm. Mực nước đỉnh triều cao nhất tại các trạm đo trong tỉnh có khả năng xuất hiện vào khoảng từ ngày 29-31/10/2025, ở mức trên báo động III. Đề phòng thời điểm triều cường lên cao trùng với mưa lớn diện rộng làm gia tăng nguy cơ ngập lụt vùng trũng thấp, sạt lở vùng ven sông khu vực tỉnh.

2. Xu hướng khí tượng và thủy văn từ tháng 11/2025 dl đến tháng 01/2026 dl:

2.1. Khí tượng:

- **Hiện tượng ENSO:** Hiện tượng ENSO có khả năng duy trì ở trạng thái trung

tính với xác suất từ 55-65%.

- **Xu thế lượng mưa:** Tổng lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN. Mùa mưa năm 2025 khu vực tỉnh khả năng kết thúc vào khoảng nửa cuối tháng 11. Trong đó các địa phương phía Đông tỉnh kết thúc sớm hơn phía Tây.

- **Bão/ATNĐ:** Bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông ở mức xấp xỉ TBNN, có khoảng từ 2-3 cơn bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông, ảnh hưởng đến đất liền nước ta từ 1-2 cơn.

- **Xu thế nhiệt độ:** Nhiệt độ trung bình ở mức cao hơn TBNN từ 0,3-0,5°C. Nhiệt độ cao nhất từ 31-33°C, thấp nhất từ 21-23°C.

2.2. Thủy văn và nguồn nước:

- Từ tháng 11-12/2025, mực nước trên các sông, rạch ảnh hưởng triều đạt giá trị cao nhất trong năm và ở mức xấp xỉ cùng thời kỳ 2024, qua tháng 01/2026 mực nước vẫn còn ở mức cao nhưng thấp hơn thời kỳ cuối năm 2025.

- Mực nước trên các kênh, rạch trong các vùng ngọt hóa duy trì ở mức cao trong tháng 11/2025 và ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2024, qua tháng 12/2025 và tháng 01/2026 mực nước xuống thấp dần, cần chủ động tích trữ nước ngọt để phục vụ sản xuất và đời sống của người dân trong mùa khô 2025-2026.

II. LỊCH THỜI VỤ VÀ CƠ CẤU GIỐNG LÚA CHO VỤ THU ĐÔNG NĂM 2025

1. Bố trí lịch thời vụ xuống giống:

1.1. Xuống giống đợt 1 (đối với vùng sản xuất 01 vụ lúa sử dụng nước mưa):

- Thời gian gieo sạ: Bắt đầu từ ngày 20/6/2025 dương lịch (dl) đến ngày 20/7/2025 dl; thu hoạch từ ngày 25/9 dl đến ngày 25/10 dl (đối với giống lúa ngắn ngày) và từ ngày 30/10 dl đến ngày 30/11dl (đối với giống lúa dài ngày).

- Điều kiện và vùng gieo sạ: Đất phải được cày xới kỹ, ít cỏ dại, lúa rài, lúa cỏ, ít bị nhiễm phèn mặn, thoát nước tốt. Vùng gieo sạ là các vùng không có hệ thống đê bao khép kín dự trữ được nước ngọt tại chỗ, phụ thuộc vào nước trời nên có thể thiếu nước cuối vụ.

- Địa bàn sản xuất gồm: Phường Vĩnh Trạch, Phường Hiệp Thành, một phần của xã Hòa Bình.

- Phương pháp gieo sạ: Sạ gát (hạt giống ngâm, ủ nứt nanh từ 25 - 30 giờ).

1.2. Xuống giống đợt 2 (đối với vùng chuyên sản xuất 2 - 3 vụ lúa):

- Thời gian gieo sạ: Bắt đầu từ ngày 05/9/2025 dl đến ngày 05/10/2025 dl, thu hoạch từ ngày 10/12/2025 dl đến ngày 10/01/2026 dl.

- Địa bàn sản xuất gồm: Phường Bạc Liêu; Phường Giá Rai; Phường Láng Tròn; xã Vĩnh Mỹ; một phần của các xã: Vĩnh Thanh, Hòa Bình, Phước Long, Vĩnh Phước, Châu Thới.

- Điều kiện và vùng gieo sạ: Đất phải được làm đất kỹ (cày, xới, trục trạc trang bằng mặt ruộng, đánh rãnh thoát nước), vệ sinh kỹ cỏ dại trên bờ và dưới ruộng. Vùng gieo sạ là các vùng đất địa hình từ trung bình - trũng thấp, có hệ thống đê bao tương đối khép kín.

- Phương pháp gieo sạ: Sạ gát (hạt giống ngâm, ủ nứt nanh từ 25 - 30 giờ).

Lưu ý: Để tranh thủ thời vụ, có thể rút ngắn thời gian làm đất, ngay sau khi thu hoạch lúa Hè Thu xong tiến hành vận chuyển rơm rạ ra khỏi ruộng, cho nước vào ruộng và sử dụng các chế phẩm có chứa nấm *Trichoderma*, vi khuẩn *Bacillus*, ... để tăng cường quá trình phân hủy rơm rạ nhằm hạn chế hiện tượng ngộ độc hữu cơ; kết hợp cải tạo đất bằng việc tăng cường sử dụng vôi, phân lân, các hợp chất sinh học (axit humic và axit fulvic, ...).

2. Cơ cấu giống lúa:

Chọn giống lúa đạt tiêu chuẩn cấp xác nhận, giống chống chịu sâu bệnh, phèn mặn, năng suất chất lượng cao, phù hợp điều kiện canh tác địa phương đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Có thể chọn một trong số các giống lúa sau:

- Nhóm giống lúa chất lượng cao: OM18, Đài Thơm 8, Nàng Hoa 9, RVT, OM5451, ...
- Nhóm giống lúa thơm đặc sản: Gồm các giống lúa đặc sản ST 24, ST 25, BL 9, ...
- Nhóm giống lúa phục vụ chế biến: OM2517, OM576 (Hàm Trâu, siêu Hàm Trâu), IR42, ...

Lưu ý: Lúa giống nên mua ở Trung tâm giống Nông nghiệp, các công ty, cơ sở, đại lý kinh doanh lúa giống có uy tín đảm bảo chất lượng; không nên mua lúa giống trôi nổi không rõ nguồn gốc, nhãn hiệu không rõ ràng.

Để tổ chức tốt sản xuất vụ Thu Đông 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã/phường căn cứ vào khung lịch thời vụ của Sở, diễn biến tình hình thực tế địa phương (thời tiết, đất đai, công tác chuẩn bị cho sản xuất, ...) xây dựng lịch thời vụ cụ thể của xã/phường trên địa bàn từng ấp, liên ấp/khóm bố trí sản xuất và cơ cấu giống lúa phù hợp. Thường xuyên cập nhật dự báo khí tượng thủy văn và thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường để điều chỉnh lịch thời vụ, bố trí sản xuất cho phù hợp (nếu có) nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro trong sản xuất.

Trên đây là Thông báo Hướng dẫn lịch thời vụ và cơ cấu giống lúa cho vụ Thu Đông năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ông Lê Văn Sử PCT UBND tỉnh (b/c);
- Cục Trồng trọt và BVTV (b/c);
- TT Trồng trọt và BVTV phía Nam (p/h);
- BGĐ Sở Nông nghiệp và Môi trường (ch/đ);
- Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội LH Phụ nữ tỉnh;
- Báo - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (tuyên truyền);
- Phòng KHTC Sở (t/h)
- Các Chi cục: TTBVTV, KTHT và PTNT, TL (t/h);
- Các Trung tâm: KN, Giống NN, QLKTCTTL; DVKTNN và MT Bắc và Nam Quốc lộ IA Bạc Liêu (t/h);
- UBND các xã, phường: Bạc Liêu, Vĩnh Trạch, Hiệp Thành, Giá Rai, Láng Tròn, Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Phước Long, Vĩnh Phước, Vĩnh Thanh, Châu Thới (t/h);
- Lưu: VT. TTBVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Mười

Phụ lục
Đặc điểm của một số giống lúa canh tác trong vụ Thu Đông

TT	Tên giống lúa	Đặc điểm
1	OM18	Thời gian sinh trưởng 95 – 100 ngày, cây cao 100 – 110 cm, đẻ nhánh tốt, ít đổ ngã, kháng đạo ôn, năng suất từ 5 – 8 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm chất lượng cao.
2	Đài Thơm 8	Thời gian sinh trưởng 90 – 95 ngày, cây cao 95 – 100 cm, đẻ nhánh khỏe, cứng cây, chịu phèn mặn khá, năng suất từ 6,5 – 7 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm thơm chất lượng cao.
3	ST24, ST25	Thời gian sinh trưởng 95 – 105 ngày, cây cao 105 – 110 cm, đẻ nhánh trung bình, năng suất đạt 5-6 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm thơm đặc sản.
4	RVT	Thời gian sinh trưởng 95 – 100 ngày, cây cao 95 – 105 cm, đẻ nhánh khỏe, cứng cây, thích ứng rộng, chịu phèn, năng suất từ 6 – 8 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm thơm chất lượng cao.
5	Nàng Hoa 9	Thời gian sinh trưởng 92 – 97 ngày, cây cao 95 – 105 cm, đẻ nhánh khỏe, cứng cây, chống chịu với đạo ôn, chịu hạn, chịu phèn, năng suất 6 – 7 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm thơm chất lượng cao.
6	OM5451	Thời gian sinh trưởng 90 – 95 ngày, cây cao 95 – 100 cm, chịu phèn mặn khá, ít đổ ngã, năng suất từ 5 – 8 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm chất lượng cao.
7	BL 9	Thời gian sinh trưởng 100 – 105 ngày, cây cao 95 – 105 cm, đẻ nhánh khỏe, thân rạ mịn, dẻo, thân lá nhỏ gọn, kháng bệnh đạo ôn, khô vằn, hơi kháng rầy nâu, nhiễm nhẹ bệnh cháy bìa lá, chịu mặn khá, năng suất từ 5,5 – 7,5 tấn/ha. phẩm chất gạo thuộc nhóm thơm chất lượng cao.
8	OM576	Thời gian sinh trưởng 100 – 105 ngày, cây cao 95 – 100 cm, đẻ nhánh khá, cứng cây, hơi nhiễm đạo ôn, năng suất từ 5 – 8 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm cứng cơm.
9	OM2517	Thời gian sinh trưởng 85 – 90 ngày, cây cao 95 – 100 cm, đẻ nhánh khá, cứng cây, hơi kháng đạo ôn, thích nghi điều kiện phèn mặn, năng suất từ 5 – 7 tấn/ha, phẩm chất gạo thuộc nhóm cứng cơm.